

Bản án: 06/2020/HNGĐ-PT

Ngày 13-5-2020

“V/v tranh chấp ly hôn”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tô Chánh Trung

Các Thẩm phán: Ông Lê Hoàng Tấn

Bà Trần Thị Hòa Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Nguyễn Thị Ngát - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 10/2019/TLPT-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2019 về việc “*Tranh chấp ly hôn*”.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 228/2019/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 553/2020/QĐPT-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kiều Q, sinh năm 1981. Địa chỉ: Số 1111, Đường P1, Phường 12, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Luật sư Trịnh Minh T1, Công ty luật TNHH Sài Gòn Light - thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ: Số 95, Đường N1, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Luật sư Bùi Quang N (vắng mặt) và luật sư Lý Trung D (có mặt), Công ty luật hợp danh N & Chính - thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ: Số 08, Đường N2, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông T, sinh năm 1980.

Quốc tịch: Nhật Bản.

Địa chỉ thường trú: Nishi-ku Hiranuna 1 Chome 16-6-610, Nishi, Yokohama, Nhật Bản.

Địa chỉ tạm trú: 10-N8, Phúc Yên 2, Số 33, Đường P2, Phường 15, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền và người phiên dịch theo yêu cầu của bị đơn: Ông Hoàng Đức P (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:

1. Luật sư Võ Đan M, thuộc Công ty luật TNHH MTV TA PHA - Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. Luật sư Lưu Tấn Anh T2, thuộc Công ty luật TNHH MTV TA PHA - Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Cùng địa chỉ: Số 07, Đường N3, Phường 12, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI D V U Á N:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/8/2018 và các tài liệu có trong hồ sơ nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Kiều Q trình bày như sau:

Qua bạn bè, bà và ông T quen biết và tự nguyện đăng ký kết hôn và được UBND tỉnh Bến Tre cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 23/12/2010 (số vào sổ đăng ký kết hôn Số 70, Quyển số 01 ngày 03/4/2010).

Trong quá trình chung sống bà và ông T phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được và từ năm 2017 bà không còn sống chung với ông T. Bà yêu cầu được ly hôn với ông T để ổn định cuộc sống. Bà thừa nhận hiện nay bà đang mang thai với người khác (thai nhi không phải là con của ông T) do đó bà không cần phải đi thử ADN theo yêu cầu của ông T.

Về con chung: Bà và ông T có 01 người con chung là cháu Nguyễn Nhật A (nam), sinh ngày 09/12/2015. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung và nghĩa vụ dân sự khác: Bà Q khai không có.

Bị đơn ông T trình bày: Ông đồng ý với lời trình bày của bà Q về mối quan hệ hôn nhân, về con chung, về nợ chung và nghĩa vụ dân sự khác. Còn về tài sản chung: Có căn nhà số G25, Đường D3, phường T3, Quận 12; Căn hộ số T1-B23.04 tọa lạc tại Dự án khu dân cư cao cấp Masteri Thảo Điền, Quận 2;

chiếc xe Moto nhãn hiệu Dream mang Biển số 71- K3 2502 và chiếc xe Oto nhãn hiệu Mazda mang Biển số 51F-927.22, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ năm 2017, bà Q tự ý sống ly thân với ông. Hiện bà Q đang mang thai với người khác (thai nhi không phải con ông), ông đồng ý ly hôn với điều kiện bà Q phải giao con chung là Nguyễn Nhật A (nam), sinh ngày 09/12/2015 cho ông trực tiếp nuôi dưỡng và ông không yêu cầu bà Q cấp dưỡng nuôi con. Trong thời kỳ hôn nhân bà Q đã vi phạm pháp luật Luật Hôn nhân và gia đình, vi phạm pháp luật Hình sự, ông đề nghị có biện pháp xử lý bà Q.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 228/2019/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35; khoản 1 Điều 37, Điều 147, khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 và Điều 471 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng: Các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng: Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Áp dụng Luật thi hành án dân sự.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kiều Q, cụ thể:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Kiều Q và ông T.

1.2 Giấy chứng nhận kết hôn của UBND tỉnh Bến Tre ngày 23/12/2010 (số vào sổ đăng ký kết hôn Số 70, Quyền số 01 ngày 03/4/2010) cấp cho bà Nguyễn Thị Kiều Q và ông T không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Kiều Q yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục người con chung tên Nguyễn Nhật A (giới tính: nam, sinh ngày 09/12/2015).

Giao cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục người con chung tên Nguyễn Nhật A (giới tính: nam, sinh ngày 09/12/2015) cho đến khi trẻ Anh thành niên. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho bà Q vì ông T không yêu cầu.

* Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

* Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

* Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc của cá nhân, tổ chức có thẩm quyền yêu cầu theo quy định tại Điều 84 và Điều 119 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung: Các bên không yêu cầu giải quyết, Tòa không xét.

4. Về nghĩa vụ dân sự chung: Các bên khai không có, Tòa không xét.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí hôn nhân sơ thẩm, quyền kháng cáo, thi hành án theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bà Nguyễn Thị Kiều Q kháng cáo không đồng ý việc án sơ thẩm xử giao cháu Nguyễn Nhật A (giới tính: nam, sinh ngày 09/12/2015) cho ông T trực tiếp nuôi dạy.

Tại phiên tòa cấp phúc thẩm qua giải thích pháp luật của Hội đồng xét xử thì bà Q vẫn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà trực tiếp nuôi dạy cháu A, hàng tháng bà sẽ giao cháu A lại cho ông T trông coi 01 tuần để cháu Anh gần gũi với ông T. Về phía ông T thì không đồng ý theo đề xuất của bà Q, nên bà Q vẫn giữ theo yêu cầu kháng cáo xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Anh, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi cháu A.

Về phía ông T thì đề nghị Tòa án giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Q cho rằng cháu A hiện nay còn nhỏ do bà Q trực tiếp nuôi dưỡng, ông T chỉ tạm trú ở Việt Nam thời hạn 01 năm, không giao tiếp tốt bằng tiếng Việt. Ông T còn phải nuôi cha mẹ già, bà Q có đủ điều kiện nuôi cháu A, bà Q nuôi cháu A có cuộc sống ổn định. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp còn nêu ra Bản án Giám đốc thẩm số 01/2019/HNGĐ-GĐT ngày 27/02/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Đà Nẵng để xem xét (không yêu cầu áp dụng án lệ) về đề nghị chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kiều Q, giao cháu Nguyễn Nhật A cho bà Q trực tiếp nuôi dưỡng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông T cho rằng bà Q bận nhiều việc, đi công tác thường xuyên nên mới sinh con thứ 02 với người khác (không có thời gian chăm sóc con), ông T người có thời gian cùng bà Q chăm sóc con, nên không thể nói là nếu giao cho ông T nuôi thì làm thay đổi cuộc sống của cháu A, ông T có điều kiện nuôi cháu A hơn, nên đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị giao cháu A cho bà Q trực tiếp nuôi dưỡng theo yêu cầu kháng cáo của bà Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kiều Q kháng cáo làm trong hạn luật định nên vụ án được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét về nội D vụ án Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo án sơ thẩm xét xử về quan hệ hôn nhân công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Kiều Q với ông T, về tài sản 02 bên không có yêu cầu giải quyết, về nợ chung không có. Các quyết định này không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Đối với kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kiều Q kháng cáo yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Nhật A thì Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

Theo án sơ thẩm cho rằng ông T có nhà ở Việt Nam, nhà số G25, Đường D3, phường T3, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh là Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH MTI Technology với mức thu nhập 122.650.000đ/tháng. Còn bà Q thì chưa có chỗ ở ổn định, còn ở đậu tại nhà em rể, việc bà Q cho rằng bà là Giám đốc Công ty Cổ phần Giải pháp Phần mềm Bình Minh JP với mức lương 81.000.000đ/tháng nhưng không có giấy tờ chứng minh, hơn nữa bà Q hiện nay đang nuôi con thứ hai còn nhỏ, không có điều kiện chăm sóc cháu Nguyễn Nhật A, nên xử giao cháu Nguyễn Nhật A cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho bà Q. Bà Q kháng cáo không đồng ý việc án sơ thẩm tuyên giao cháu Nguyễn Nhật A cho ông T trực tiếp nuôi dạy. Tại phiên tòa cấp phúc thẩm hôm nay bà Q xuất trình được các giấy tờ như: Bà là Giám đốc điều hành Công ty Cổ phần Giải pháp Phần mềm Bình Minh JP có mức lương hơn 81.000.000đ/tháng, bà có nhà ở mới xây ở số G25, Đường D3, phường T3, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Xét về điều kiện kinh tế thì cả bà Q và ông T đều có điều kiện nuôi dạy cháu A. Đối với bà Q thì hiện nay có con thứ hai (con gái) tới nay đã hơn 15 tháng tuổi, nếu giao cháu A cho bà Q trực tiếp nuôi dạy thì sẽ làm khó khăn hơn cho bà Q.

Về phía ông T thì hiện nay còn độc thân, có điều kiện kinh tế, có điều kiện chăm sóc cháu A tốt hơn, nên Hội đồng xét xử xét thấy cần phải giữ nguyên bản án sơ thẩm – giao cháu Anh cho ông T trực tiếp nuôi dạy theo như án sơ thẩm xử.

Quan điểm đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông T đề nghị phù hợp với nhận định trên nên được chấp nhận.

Quan điểm đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thị Kiều Q cũng như đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát không phù hợp với nhận định trên nên không được chấp nhận.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kiều Q.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Không chấp nhận theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị Kiều Q yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục người con chung tên Nguyễn Nhật A (giới tính: nam, sinh ngày 09/12/2015).

Giao cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục người con chung tên Nguyễn Nhật A (giới tính: nam, sinh ngày 09/12/2015) cho đến khi trẻ A thành niên. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho bà Q vì ông T không yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc của cá nhân, tổ chức có thẩm quyền yêu cầu theo quy định tại Điều 84 và Điều 119 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kiều Q phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân gia

đình phúc thẩm. Ngày 05/4/2019 bà Q nộp 300.000đ tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0015196 tại Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Số tiền này được chuyển qua thi hành án phần án phí phải nộp như trên.

Các quyết định còn lại của bản án sơ thẩm xét xử không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án này là phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 13/5/2020.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND Tp. Hồ Chí Minh;
- Cục THADS Tp. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng, 14b (ĐTT).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tô Chánh Trung

